

Bản tin tuần

Tuần từ 24/1 đến 28/1 năm 2011

Địa chỉ liên hệ:
Ban Phân tích
Email: research@psi.vn
Website: <http://psi.vn>

CTCP CK Dầu khí (PSI)

Trụ sở chính:

18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999

Chi nhánh TP.HCM:

Số 24-26 Hồ Tùng Mậu, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT: (84-8) 39111818; Fax: (84-8) 39111919

Chi nhánh Vũng Tàu:

Phòng 112, Tòa nhà Petro Tower, số 08 Hoàng Diệu, TP.Vũng Tàu

ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26;

Fax: (84-64) 6254521

Chi nhánh Đà Nẵng:

Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng –

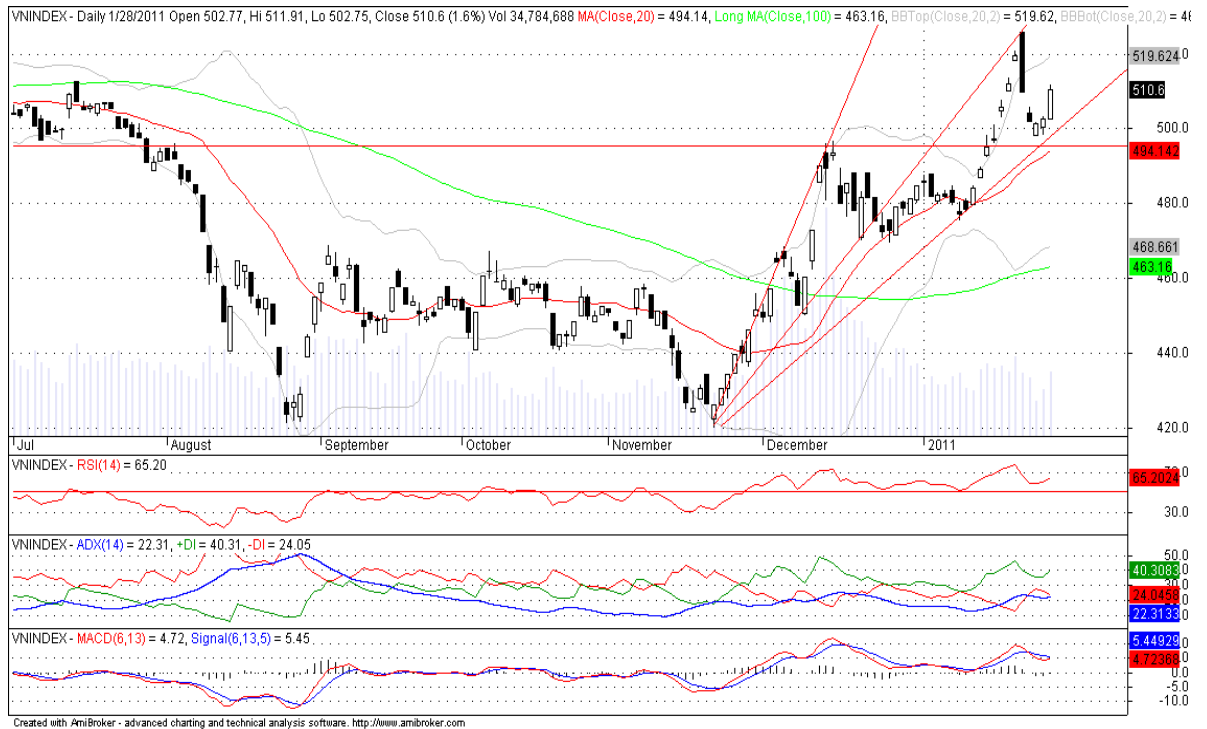
ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339

I. THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN	Trang 2
HSX	Trang 2
HNX	Trang 3
II. KINH TẾ VĨ MÔ	Trang 5
1. Tin Kinh tế	Trang 5
2. Thị trường tiền tệ	Trang 7
III. THỐNG KÊ GIAO DỊCH	
Thống kê giao dịch theo tuần	Trang 11
Thống kê giao dịch phiên cuối tuần	Trang 12
Lịch sự kiện	Trang 14

I. THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

HSX:

**Bật lên từ
hỗ trợ 500
điểm**



Tuần giao dịch cuối cùng trước kỳ nghỉ tết nguyên đán thông thường sẽ là một tuần giao dịch âm đạm và năm nay cũng không phải là ngoại lệ. Chỉ số Vnindex đã có một tuần giảm điểm nhẹ với thanh khoản ở mức rất thấp. Trong tuần này, sàn HSX tiếp tục ghi nhận sự tác động của các mã có vốn hóa lên chỉ số Vnindex. Các mã này đồng loạt giảm mạnh đã làm cho chỉ số Vnindex điều chỉnh mạnh trong hai phiên đầu tuần. Hai phiên giữa tuần là sự phân hóa của các cổ phiếu có vốn hóa lớn tạo điều kiện cho các mã vốn hóa vừa và nhỏ đã đóng vai trò của mình khi tăng nhẹ kéo chỉ số Vnindex tăng điểm nhẹ. Phiên cuối tuần sàn HSX đã tăng mạnh trở lại khi mà các mã vốn hóa lớn đã đồng loạt tăng điểm. Chỉ số Vnindex biến động mạnh là do sự thay đổi của các mã có vốn hóa lớn và không đại diện cho toàn bộ cổ phiếu khi mà mức giá của đại đa số cổ phiếu vẫn đi ngang trong tuần qua. Kết thúc tuần, chỉ số Vnindex đóng cửa ở mức 510.6 điểm, giảm 8.9 điểm tương ứng với 1.7% so với tuần qua. Kết thúc tuần, có 117 mã tăng giá, 124 mã giảm giá và 38 mã đứng giá. Tăng mạnh nhất là cổ phiếu TCL với mức tăng 13.8% và giảm mạnh nhất là cổ phiếu DVD với mức giảm 22%.

Khối ngoại tiếp tục mua ròng mạnh trên sàn HSX trong tuần qua với khối lượng mua ròng lên tới 14.7 triệu đơn vị tương ứng 505 tỷ đồng. Các cổ phiếu được mua ròng nhiều gồm có VCB, HAG, ITC và ITA. Các cổ phiếu bị bán ròng nhiều gồm có STB, FPT, BCI và GIL.

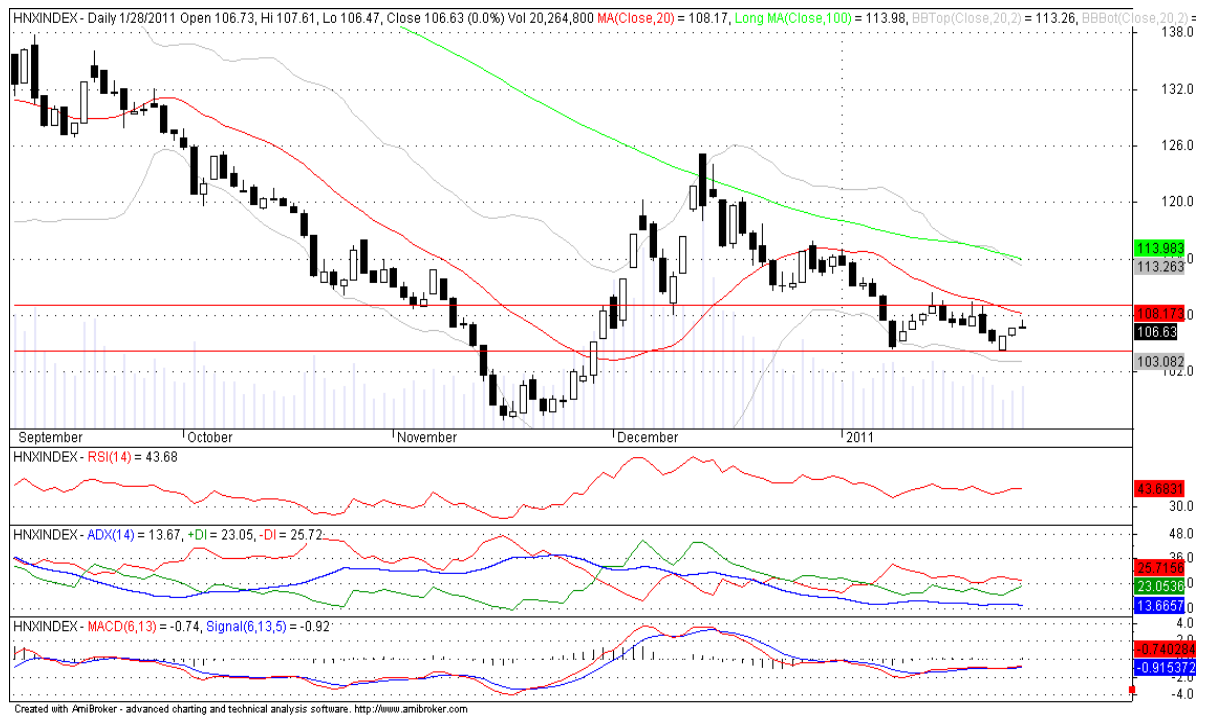
Thị trường có một phiên đóng cửa cuối năm tốt đẹp làm hài lòng những người nắm giữ cổ phiếu. Bức tranh thị trường trông có vẻ tốt, tuy nhiên kỳ nghỉ kéo dài + xu hướng không giao dịch đầu năm mới khiến cho luồng tiền khó vào thị trường. Xu hướng đi ngang của đại đa số các cổ phiếu có khả năng tiếp tục được duy trì trong tuần giao dịch tới khi mà các tin tức về vĩ mô và doanh nghiệp sẽ không thay đổi nhiều trong kỳ nghỉ lễ dài ngày. Tuy nhiên chỉ số Vnindex vẫn có thể biến động thất thường do sự biến động thất thường của dòng tiền đầu cơ vào các mã có vốn hóa lớn.

Mặc dù chúng tôi lạc quan vào thị trường trong trung hạn. Nhưng trước mắt là kỳ nghỉ lễ dài và giao dịch đầu năm thường ít sôi động, do vậy nhà đầu tư nên thận trọng theo dõi các phiên đầu năm sau để quyết định. Nhà đầu tư nên mua vào khi thị trường điều chỉnh để phục vụ cho việc đầu

tu trung hạn. Chúng tôi ưa thích các cổ phiếu lớn như: PET, PVD, PVX, ITA, ITC, NTB, KLS, SHN.

HNX:

**Biến động
trong điểm
104-110**



Sàn HNX cũng đã có một tuần giao dịch khá ảm đạm trước kỳ nghỉ lễ dài ngày. Với ba phiên giảm điểm và hai phiên tăng điểm, chỉ số HNX index đóng cửa ở mức 106.63 điểm, giảm 1.24 điểm tương ứng với mức 1.15% so với tuần trước. Có thể thấy chỉ số Hnxindex đã phản ánh tương đối chính xác tình trạng giao dịch đi ngang của đại đa số cổ phiếu trên cả hai sàn. Tâm lý nghi ngại của trước tết nguyên đán của bên mua cũng như tâm lý chờ đợi các thông tin về dự án và kế hoạch năm 2011 và hi vọng vào sóng đại hội cổ đông sau tết nguyên đán đã làm cho chỉ số Hnindex giao động nhẹ xung quanh mức 106-107 trong suốt tuần cùng với thanh khoản sụt giảm mạnh. Kết thúc tuần có 127 mã tăng điểm, 150 giảm giá và 96 mã đứng giá. Cổ phiếu BVS tiếp tục chứng tỏ vai trò trụ cột và dẫn dắt trên sàn HNX khi sự biến động của mã này đã tác động tâm lý biến động cùng chiều lên toàn sàn.

Nhà đầu tư nước ngoài tuần này giảm giá trị mua ròng trên sàn HNX. Họ mua vào 2 triệu đơn vị cổ phiếu trị giá 42 tỷ đồng, bán ra 900 ngàn cổ phiếu trị giá 19 tỷ đồng. Các cổ phiếu được mua ròng nhiều bao gồm PVS, VCG và PVI. Các cổ phiếu được bán nhiều bao gồm BVS, VND và TDN.

Trái ngược với VN-Index, Hnxindex tiếp tục có một tuần giao động nhẹ với thanh khoản thấp. So với VN-Index, thì HNX-Index phản ánh trung thực hơn về thị trường. Nguyên nhân là do VN-Index bị bóp méo bởi một số cổ phiếu lớn như BVH, MSN, VIC.

Trong gần 3 tuần qua, HNX-Index vẫn đang biến động rất ít, Hnxindex vẫn tiếp tục biến động trong khu vực 104-110 điểm. Đầu năm sau, khả năng chỉ số Hnxindex sẽ tiếp tục đi ngang để tích lũy trước khi hình thành xu hướng mới. Nếu chỉ số Hnxindex xuyên thủng vượt lên khỏi mức 110 với khối lượng lớn thì chỉ số Hnxindex sẽ hình thành xu thế tăng điểm, nhà đầu tư nên gia tăng tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu.

Giao dịch cổ phiếu các doanh nghiệp thuộc Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam

Tuần qua, nhìn chung các cổ phiếu thuộc nhóm PVN không có nhiều biến động. Trong 31 cổ phiếu thuộc PVN niêm yết,

có 10 cổ phiếu tăng giá, 3 cổ phiếu đứng giá và 18 cổ phiếu giảm giá. Các cổ phiếu tăng giá nhiều nhất là PVI (4,6%), PVS (3,9%), PCG (3,16%). Các cổ phiếu giảm giá nhiều nhất gồm có PV2 (-8,77%), PPS (-7,81%), PXM (-5,04%). Trung bình, nhóm cổ phiếu thuộc PVN giảm 1,07% so với tuần trước. Khối lượng giao dịch giảm xuống còn 29,62 triệu cổ phiếu so với mức 39,06 triệu cổ phiếu của tuần trước.

Dưới đây là diễn biến của các mã cổ phiếu thuộc tập đoàn PVN tuần 4/2011:

STT	Mã	Tên công ty	Giá đóng cửa	KLGD (1 cp)	Tăng/Giảm (%)	P/B*	P/E trailing*	Nơi giao dịch
1	ICG	CTCP Xây dựng Sông Hồng	18.4	565,400	↑ 0.55	1.39	7.91	HNX
2	PCG	CTCP Đầu tư và phát triển Gas Đô thị	9.8	30,600	↑ 3.16	0.89	31.25	HNX
3	PDC	CTCP Du lịch Dầu khí Phương Đông	9.2	112,600	→ 0.00	1.18	96.23	HNX
4	PFL	CTCP Bất động sản Tài chính Dầu khí VN	12.1	586,000	↓ -3.20	0.53	N/A	HNX
5	PGS	CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	24.2	1,332,300	→ 0.00	1.59	1.93	HNX
6	PHH	CTCP Hồng hà Dầu khí	13.7	288,000	↓ -2.14	1.18	5.67	HNX
7	PPS	CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN	11.8	368,200	↓ -7.81	1.21	26.95	HNX
8	PSI	CTCP Chứng Khoán Dầu khí	12.4	680,600	↓ -3.13	1.07	9.65	HNX
9	PV2	CTCP Đầu tư và Phát triển PVI	10.4	477,000	↓ -8.77	0.65	N/A	HNX
10	PVA	CTCP Xây dựng Dầu khí Nghệ An	39.5	695,600	↓ -1.25	2.11	5.75	HNX
11	PVC	Tổng CTCP Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí	24.6	1,352,500	→ 0.00	1.90	6.27	HNX
12	PVE	CTCP Tư vấn Đầu tư và Thiết bị Dầu khí	14.6	328,200	↑ 0.69	1.29	6.16	HNX
13	PVG	CTCP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	12.5	187,700	↓ -1.57	0.56	9.39	HNX
14	PVI	Tổng CTCP Bảo hiểm Dầu khí	18.2	562,300	↑ 4.60	1.68	8.05	HNX
15	PVL	CTCP Bất động sản Điện lực Dầu khí VN	13.1	1,283,000	↓ -1.50	1.16	N/A	HNX
16	PVR	CTCP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí VN	10.9	165,500	↓ -0.91	0.62	20.50	HNX
17	PVS	Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	21.3	1,975,900	↑ 3.90	1.76	5.58	HNX
18	PVV	CTCP Đầu tư Xây dựng Vinaconex - PVC	15.5	285,200	↓ -3.13	1.27	6.02	HNX
19	PVX	Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí VN	20.8	6,545,800	↑ 0.48	1.38	6.70	HNX
20	DPM	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	42.6	3,651,490	↓ -2.74	2.88	9.85	HSX
21	PET	Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	16.7	1,012,790	↓ -1.18	1.00	6.81	HSX
22	PGD	CTCP Phân phối khí thấp áp Dầu khí VN	39.1	377,950	↓ -3.93	3.50	5.78	HSX
23	PTL	CTCP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	11.7	507,830	↑ 2.63	0.49	12.94	HSX
24	PVD	Tổng CTCP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí	55.5	1,173,710	↑ 0.91	4.20	15.89	HSX
25	PVF	Tổng CTCP Tài chính Dầu khí	30.4	1,715,580	↓ -0.33	2.83	61.96	HSX
26	PVT	Tổng CTCP vận tải Dầu khí	10.7	1,050,780	↑ 1.90	0.90	42.04	HSX
27	PXI	CTCP Xây dựng công nghiệp & dân dụng dầu khí	14.1	324,890	↓ -1.40	1.35	6.37	HSX
28	PXL	CTCP ĐT khu công nghiệp dầu khí – Idico Long Sơn	9.0	963,630	↓ -3.23	0.81	N/A	HSX
29	PXM	CTCP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	11.3	190,690	↓ -5.04	0.96	8.75	HSX
30	PXS	CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	16.6	723,560	↓ -1.78	1.56	7.13	HSX
31	PXT	CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	9.8	111,010	↑ 1.03	0.83	12.35	HSX
32	NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	10.2	85,000	↑ 0.99	0.00	0.00	UPCOM
33	PCT	CTCP Vận tải Dầu khí Cừu Long	5.2	30,300	↑ 1.96	0.53	N/A	UPCOM
34	POV	CTCP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	10.0	-	→ 0.00	N/A	N/A	UPCOM
35	PSB	CTCP Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	8.0	112,720	→ 0.00	0.72	N/A	UPCOM
36	PSP	CTCP cảng dịch vụ dầu khí Đình Vũ	6.8	29,900	→ 0.00	0.00	0.00	UPCOM
37	PTT	CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương	4.7	400	→ 0.00	0.47	N/A	UPCOM
38	PX1	CTCP Xi măng Dầu khí 12/9	15.9	100	↑ 2.58	N/A	N/A	UPCOM

II. KINH TẾ VĨ MÔ

1. Tin kinh tế thế giới

Tuần này thế giới đón nhận xen kẽ các thông tin tích cực và thiếu tích cực, nhưng hầu hết các sàn chứng khoán đều đóng cửa với mức tăng điểm mạnh so với cuối tuần trước. Tăng trưởng của nền kinh tế lớn nhất thế giới - Mỹ sẽ tiếp tục được hỗ trợ khi FED tuyên bố duy chương trình QE2

Chỉ số	Tuần trước*	Tuần này*	Thay đổi
Dow Jones Ind. Ave.	11,822.80	11,989.83	1.41%
S&P 500	1,280.26	1,299.54	1.51%
Nasdaq Comp.	2,704.29	2,755.28	1.89%
FTSE 100	5,867.91	5,965.08	1.66%
DAX	7,024.27	7,155.58	1.87%
CAC 40	3,964.84	4,059.57	2.39%
Nikkei 225	10,274.52	10,381.97	1.05%
Hang Seng	23,957.82	23,649.97	-1.28%
Shanghai Comp.	2,723.31	2,740.91	0.01

* Giá đóng cửa tuần này tính tới 14:50 GMT+7 28-1-2011
Nguồn Google Finance; PSI tổng hợp

Kinh tế Mỹ: GDP tăng trưởng vượt bậc

Kinh tế Mỹ tăng trưởng với tốc độ 3.2% trong quý cuối cùng của năm 2010, mạnh hơn so với mức 2.6% trong quý 3 nhưng thấp hơn dự báo 3.5% của các nhà kinh tế. Tính cả năm, GDP tăng 2.9%, ngược với mức sụt giảm 2.6% trong năm 2009 đồng thời là mức tăng trưởng mạnh nhất trong 5 năm. yếu tố làm nên đà tăng trưởng mạnh của nền kinh tế trong quý 4/2010 là sự cải thiện của lĩnh vực chi tiêu tiêu dùng và thương mại. Sự cải thiện của lĩnh vực xuất khẩu cũng giúp thâm hụt thương mại thu hẹp.

Trong thông điệp liên bang hôm 26/2, Tổng thống Mỹ khẳng định 5 vấn đề chính mà nước Mỹ sẽ chú trọng trong năm 2011 bao gồm: ưu tiên cho các lĩnh vực đổi mới, nâng cao giáo dục, đầu tư cơ sở hạ tầng, giảm thâm hụt ngân sách liên bang và cải cách chính phủ. Thông điệp liên bang nêu rõ, nước Mỹ đang đối mặt với những nhiều cạnh tranh đặc biệt trong lĩnh vực thị trường lao động và công nghiệp. Chính phủ Mỹ sẽ nỗ lực cân bằng giữa giảm thâm hụt ngân sách liên bang và duy trì lợi thế cạnh tranh, đặt mục tiêu giảm thâm hụt chi tiêu 400 tỷ USD trong vòng 10 năm tới.

Tuần này Mỹ cũng công bố một loạt các chỉ số kinh tế, trong đó có một số thể hiện sự tích cực như chỉ số niềm tin tiêu dùng, tháng 1 tăng lên 60.6 điểm từ mức 53.3 điểm trong tháng 12, mức cao nhất kể từ tháng 5/2010 cho thấy sự lạc quan về triển vọng thu nhập và việc làm trong tương lai. Doanh số bán nhà mới của Mỹ tháng cũng tăng 18% , mạnh hơn dự kiến, lên 329,000 căn tăng. Tuy nhiên đằng sau doanh số, thị trường nhà ở Mỹ vẫn chưa thực sự cải thiện lượng. Số nhà bán chủ yếu tập trung ở bờ Tây chứ không phân bố đều ở các bang, và doanh số cả năm vẫn ở mức thấp 321,000 căn, giảm 14% so với năm 2009. Chỉ số giá nhà ở Case-Shiller tháng 11 tại 20 thành phố lớn của Mỹ giảm 1% so với tháng 10, cho thấy tình trạng trì trệ của thị trường nhà ở ngày thêm trầm trọng

Bên cạnh đó, một số chỉ số khác chưa thực sự tích cực, cho thấy sự tăng trưởng của kinh tế Mỹ vẫn còn khá chậm. Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp trong tuần này bắt đầu tăng 51,000 đơn lên 454,000 đơn, mức cao nhất kể từ tháng 10. Số đơn đặt hàng tại các nhà máy tháng 12 cũng sụt giảm 2,5%, tiếp nối mức giảm 0.1% của tháng trước, trong đó mức giảm mạnh nhất là trong lĩnh vực hàng không phi quân sự.

Khu vực Châu Âu: trong tuần kinh tế Châu Âu đón nhận nhiều thông tin tích cực

Tháng 1/2011, chỉ số quản lý sức mua (PMI) ngành dịch vụ tiếp tục tăng trưởng tích cực. Chỉ số quản lý sức mua ngành dịch vụ tăng từ 54.2 điểm lên 55.2 điểm, nhờ vậy chỉ số quản lý sức mua chung tháng 1 của Eurozone tăng lên mức cao 6 tháng 56.3 điểm. Sau tháng 12 được cải thiện, chỉ số PMI sản xuất tháng 1/2011 lại giảm nhẹ, từ 57.1 điểm xuống 56.9 điểm.

PMI của 2 quốc gia lớn Đức và Pháp cũng theo xu hướng chung của Eurozone. Theo khảo sát của Tổ chức Nghiên cứu Kinh tế Markit, PMI sản xuất tháng 1 của giảm xuống 60.2 điểm từ mức 60.7 điểm trong tháng 12, chỉ số PMI dịch vụ

tiếp tục tăng tốc từ 59.2 điểm lên 60 điểm. Lĩnh vực sản xuất của Pháp cũng bất ngờ suy yếu trong tháng 1 với PMI sản xuất giảm từ 57.2 điểm xuống 54.3 điểm, chỉ số PMI dịch vụ tăng từ 54.9 điểm lên 57.1 điểm.

Các thông số kinh tế tích cực cộng với kỳ vọng rằng Ngân Hàng Trung Ương Châu Âu sẽ tăng lãi suất, đã đẩy tỷ giá đồng EUR/USD lên 1.365 - mức cao trong 2 tháng

Khu vực Châu Á: chứng khoán Châu Á được hỗ trợ từ Nhật Bản

Nhật Bản đã công bố dữ liệu xuất khẩu tháng 12/2010, theo đó, xuất khẩu tiếp tục tăng trong tháng 12/2010, đánh dấu mức tăng 2 tháng liên tiếp. Xuất khẩu tăng 13% so với cùng kỳ năm ngoái, cao hơn mức 9.1% trong tháng 11, nhập khẩu tăng 10.6% so với cùng kỳ năm ngoái. Thặng dư thương mại cũng tăng 34.1% lên 727.7 tỷ yên, tương đương 8.86 tỷ USD. Sự tích cực trong tăng trưởng của kinh tế Mỹ và Trung Quốc - điểm đến của hơn 1/5 hàng hóa xuất khẩu Nhật Bản cho thấy rằng nhu cầu nước ngoài sẽ góp phần mở rộng kinh tế nước này trong năm tới. Đà phục hồi kinh tế toàn cầu cũng có thể hỗ trợ Nhật Bản giảm mức tăng giá của đồng yên- một nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến xuất khẩu.

Tuy xuất khẩu được cải thiện nhưng Nhật Bản vẫn phải tiếp tục đối phó với khủng hoảng nợ công. Bộ tài chính nước này dự phóng mức dư nợ quốc gia, bao gồm trái phiếu chính phủ và các khoản vay, dự đoán sẽ tăng lên mức 997 nghìn tỷ yên (tương đương 12 nghìn tỷ USD) vào thời điểm cuối năm tài khóa 2012. Nếu chia cho tổng dân số, thì mỗi người dân Nhật đang phải gánh 95.000 USD nợ công quốc gia

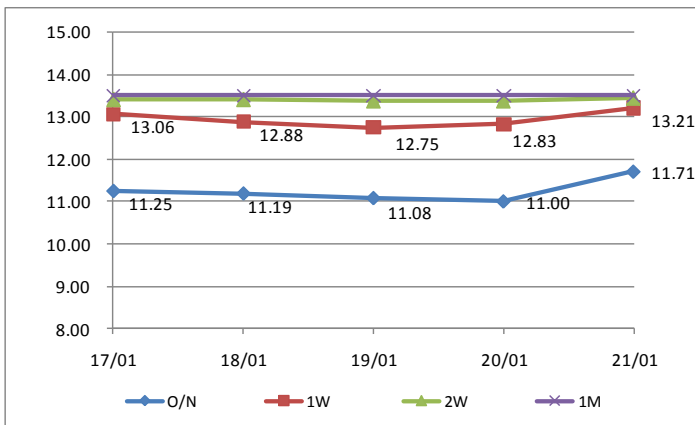
2. Kinh tế trong nước

Tổng cục Thống kê vừa công bố Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) cả nước tháng 1 năm 2011. So với tháng 12 năm 2010, CPI cả nước tháng 1/2011 tăng 1,74%, tăng 12,17% so với cùng kỳ năm 2010. Nguyên nhân chủ yếu là một số nhóm hàng tăng giá mạnh trong dịp Tết nguyên đán: hàng ăn và dịch vụ ăn uống với mức tăng 2,47%, nhóm hàng giáo dục tăng 2,89%, nhu cầu đồ uống và thuốc lá tăng 1,67%, cao thứ 3 trong rổ hàng hóa tính CPI. Cục Quản lý giá dự báo giá thị trường tháng 2/2011 sẽ tiếp tục tăng, theo đang tăng từ CPI Tháng 1. nhưng sẽ không có nhiều đột biến. Định hướng điều hành giá trong thời gian sẽ là tiếp tục giữ ổn định giá bán nhiên liệu như điện, than cho các hộ sản xuất. Đồng thời, cơ quan chức năng sẽ áp dụng các biện pháp tài chính, tiền tệ, thuế để giữ bình ổn giá, giãn thời gian điều chỉnh giá các hàng hóa, dịch vụ nhà nước định giá, kiểm soát các yếu tố hình thành giá, kiên quyết ngừng việc đăng ký tăng giá các hàng hóa, dịch vụ thuộc diện đăng ký giá có mức giá tăng không hợp lý.

Lãi suất

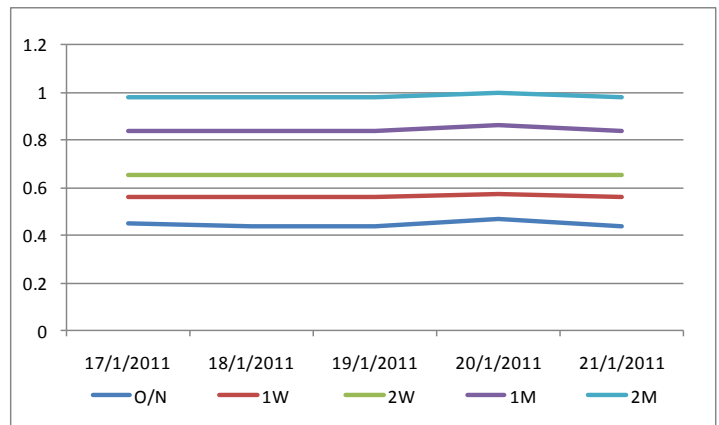
Trong tuần qua, ngân hàng nhà nước vẫn tiếp tục bơm mạnh tiền trên thị trường OMO – đạt trên 30,000 nghìn tỷ, lãi suất trên thị trường liên ngân hàng cũng lên mức rất cao: O/N đã vượt 12%, và trong ngày 28/1 ở đỉnh 13%, 1 tuần cũng đã trên 14%. Tất cả những điều này cho thấy các ngân hàng thương mại vẫn trong thiếu thanh khoản trầm trọng do nhu cầu từ doanh nghiệp vẫn cao cho dự trữ hàng Tết, hàng cuối năm, chi trả lương thưởng Tết cho cán bộ công nhân viên. Thời gian tới, Các ngân hàng thương mại sẽ tiếp tục đối mặt với các khó khăn trong việc duy trì thanh khoản, khi Ngân hàng Nhà nước sẽ tiếp tục thắt chặt hoạt động cho vay vàng để hạn chế và tiến tới xóa bỏ tình trạng “vàng hoá” trong nền kinh tế theo Thông tư 22/10/2011/TT-NHNN từ tháng 10/2010. Các ngân hàng thương mại sẽ chỉ trông chờ vào việc huy động VND và ngoại tệ trên thị trường để cung ứng cho nền kinh tế. Huy động vốn tiền đồng gặp khó khăn khi NHNN đặt mức trần 14%, và lạm phát vẫn ở mức cao, các ngân hàng tận dụng kẽ hở chưa có trần USD tạo nên cuộc đua nâng lãi suất huy động USD. Một số ngân hàng lãi suất USD đã vượt mức 6.5%, đang tiến dần lên mức 7%/ năm

**LÃI SUẤT BÌNH QUÂN
LIÊN NGÂN HÀNG (VND, %)**



Nguồn: Thomson Reuters; PSI

**LÃI SUẤT BÌNH QUÂN
LIÊN NGÂN HÀNG (USD, %)**



Nguồn: Thomson Reuters; PSI

Thị trường vàng và ngoại hối

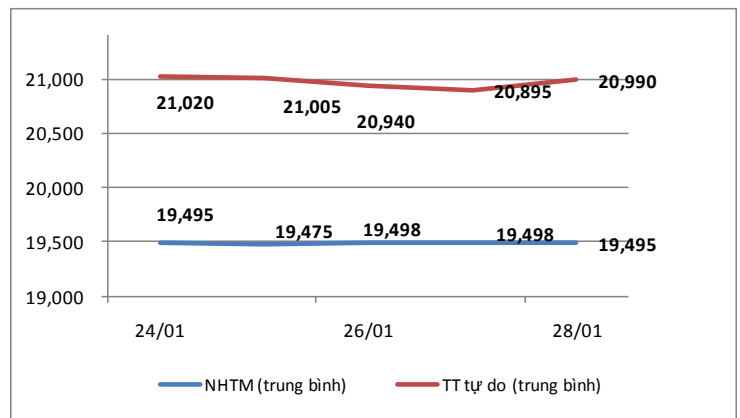
Vàng thế giới biến động mạnh, kéo theo vàng trong nước

Tuần qua là một tuần biến động mạnh của giá vàng. Đầu tuần sự tích cực của kinh tế thế giới tuần qua đã làm sụt giảm giá trị của vàng trong vai trò công cụ đầu tư thay thế an toàn, đồng thời việc xả hàng lớn chưa từng có của quỹ tín thác đầu tư vàng lớn nhất thế giới SPDR Gold Trust hôm qua khiến giá vàng càng rơi vào thế bất lợi. Quỹ này cho biết, họ đã bán ra hơn 31 tấn vàng trong phiên, giảm khối lượng nắm giữ về mức 1.229,6 tấn, thấp nhất trong vòng 8 tháng. Vàng có lúc rơi xuống 1311 USD/ounce, giá thấp nhất kể từ tháng 10/2010. Về cuối tuần, giá vàng đã hồi phục nhẹ khi FED tuyên bố sẽ tiếp tục chương trình 600 tỷ USD mua trái phiếu. Lãi suất được duy trì thấp sẽ làm giảm chi phí cơ hội khi nắm giữ vàng, đây là một yếu tố quan trọng hỗ trợ cho sự tăng giá của vàng

Vàng trong nước cũng giảm theo theo xu hướng vàng thế giới, về sát mốc 35 triệu VND/lượng, ngày cuối tuần giá vàng đã sụt xuống dưới 35 triệu, nhu cầu vẫn khá yếu trong dịp cuối năm.

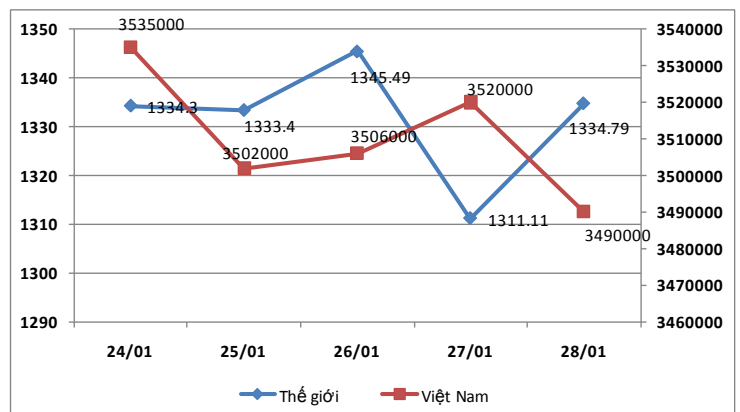
Việc các ngân hàng đua nhau tăng lãi suất, khiến cho nguồn cung USD trên thị trường giảm, tuy nhiên do NHNN vẫn chưa có ý định phá giá VND, nên lãi suất vẫn được duy trì quanh mức 21,000 đối 1 USD. Tỷ giá trong tuần qua đã giảm nhẹ, xuống trung bình 20,040/20,090 (mua vào/bán ra)

TỶ GIÁ VND/USD



Nguồn: Thomson Reuters; PSI

GIÁ VÀNG

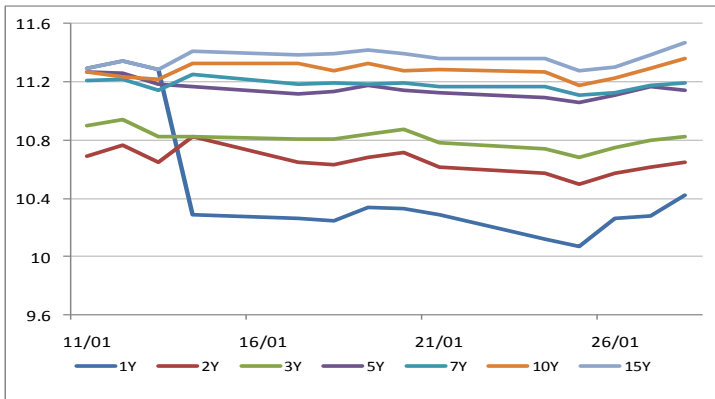


Nguồn: Thomson Reuters; PSI

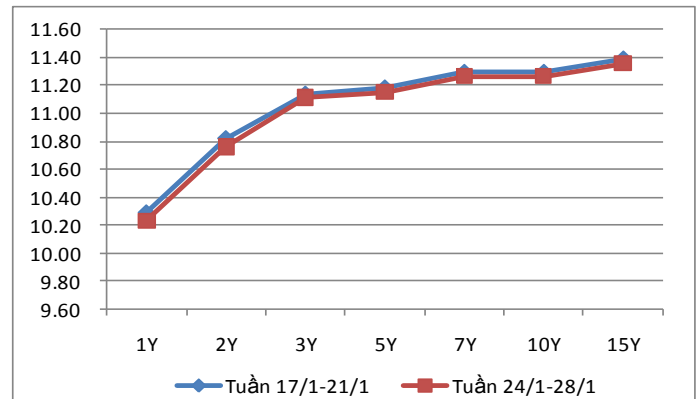
Thị trường trái phiếu

Lãi suất trái phiếu chính phủ trung bình ngắn hạn, trung hạn và dài hạn trong tuần này ổn định, giảm nhẹ 0.3% tất cả các kỳ hạn so với tuần trước. Giao dịch trái phiếu trên sàn giao dịch HNX tiếp tục ở mức trung bình 40 triệu đơn vị trái phiếu được giao dịch trong tuần vừa rồi.

**LỢI SUẤT TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ
(BÌNH QUÂN, %)**



**BIẾN ĐỘNG LỢI SUẤT TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ
(%)**



Nguồn: Thomson Reuters; PSI

Nguồn: Thomson Reuters; PSI

Thống kê giao dịch trái phiếu trên sàn giao dịch HNX

Ngày	Loại TP	Mã TP	Đáo hạn	Coupon (%)	Lợi suất cao nhất (%)	Lợi suất thấp nhất (%)	Tổng khối lượng
28/1/2011	TPCP	TP4A0706	23/02/2021	9,25	10,50	10,50	1.000.000
	TPCP	TP4A0206	20/01/2021	9,25	11,02	11,02	3.800.000
	TPCP	TD1013063	18/10/2013	9,65	14,95	14,95	1.000.000
27/1/2011	TPCP	CPD0811041	9/9/2011	16,00	10,30	10,30	200
	TPCP	CP4A2103	10/9/2018	8,84	10,20	10,20	132
	TPCP	TD1013063	18/10/2013	9,65	5,11	5,11	6.000.000
26/01/2011	TPCP	TB1015041	13/05/2015	11,33	11,01	11,01	400
	TPCP	CPD1012012	22/03/2012	12,00	10,20	10,20	1.000.000
	TPCP	TP4A4204	17/09/2019	9,00	11,04	11,04	1.900.000
25/01/2011	TPCP	TP4A3904	27/08/2019	9,00	11,04	11,04	3.300.000
	TPCPBL	QHB1020028	22/04/2020	11,50	11,04	11,04	3.100.000
	TPCPBL	VDB110029	24/05/2020	11,60	5,71	5,71	5.000.000
24/01/2011	TPCP	CPB1012010	10/3/2012	12,00	10,30	10,30	1.000.000
	TPCP	CPD0811041	9/9/2011	16,00	10,55	10,25	2.200.000
	TPCP	TD1013063	18/10/2013	9,65	5,02	5,02	6.000.000
	TPCP	QHD0919024	16/11/2019	9,90	9,90	9,90	3.000.000
	TPCPBL	VDB110024	28/05/2020	11,50	11,02	11,02	4.000.000
Tổng khối lượng							42.300.732

Nguồn: HNX 28-1-2010 13:53 GMT+7

III. THỐNG KÊ GIAO DỊCH

THỐNG KÊ GIAO DỊCH THỊ TRƯỜNG NIÊM YẾT THEO TUẦN

HSX

HSX	Giá trị	Thay đổi	± %
VN-Index	510.60 ↓	-8.90	-1.71%
KLGD (triệu ck)	167.74 ↓	-47.43	-22.04%
GTGD (tỷ đồng)	4,391.67 ↓	-1,235.00	-21.95%

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất tuần

Mã	Mở cửa	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
SSI	29,600	29,800	0.68	242,981
VNM	93,500	93,500	0.00	139,846
HAG	55,000	56,000	1.82	136,457
VCB	33,000	36,100	9.39	134,022
CTG	23,000	24,300	5.65	124,901

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất tuần

Mã	Mở cửa	Đóng cửa	Tăng	± %
TCL	28,100	32,000	3,900	13.88
VFMVFA	7,000	7,900	900	12.86
DLG	28,600	32,000	3,400	11.89
IJC	14,200	15,700	1,500	10.56
VCB	33,000	36,100	3,100	9.39

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất tuần

Mã	Mở cửa	Đóng cửa	Giảm	± %
BVH	103,000	89,000	-14,000	-13.59
TIE	19,500	17,000	-2,500	-12.82
NVT	12,700	11,100	-1,600	-12.60
NHW	17,300	15,300	-2,000	-11.56
DXV	14,200	13,000	-1,200	-8.45

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất tuần

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
HAG	78,505	FPT	81,732
VCB	69,603	STB	24,412
FPT	69,315	DPR	22,800
BVH	55,496	BVH	22,670
PVD	45,458	VNM	14,788

HNX

HNX	Giá trị	Thay đổi	± %
HNX-Index	106.63 ↓	-1.24	-1.15%
KLGD (triệu ck)	104.22 ↓	-30.70	-22.75%
GTGD (tỷ đồng)	1,910.85 ↓	-577.09	-23.20%

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất tuần

Mã	Mở cửa	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
PVX	20,700	20,800	0.48	136,278
VND	20,200	19,600	-2.97	134,099
KLS	15,000	15,200	1.33	124,433
BVS	23,600	23,600	0.00	102,530
SHN	20,500	20,300	-0.98	97,704

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất tuần

Mã	Mở cửa	Đóng cửa	Tăng	± %
CVN	20,800	27,700	6,900	33.17
DZM	29,800	36,700	6,900	23.15
VBC	26,900	32,000	5,100	18.96
AMV	12,500	14,700	2,200	17.60
KTT	11,200	13,000	1,800	16.07

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất tuần

Mã	Mở cửa	Đóng cửa	Giảm	± %
NTP	89,000	46,900	-42,100	-47.30
SSG	14,200	11,500	-2,700	-19.01
MCL	12,400	10,200	-2,200	-17.74
BSC	13,300	11,000	-2,300	-17.29
DLR	36,000	30,600	-5,400	-15.00

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất tuần

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
VCG	6,469	BVS	4,405
PVS	6,006	VND	2,630
PVX	5,374	PVX	2,079
VNC	4,121	DXP	1,324
KLS	3,921	DBC	1,264

UPCOM

UPCOM	Giá trị	Thay đổi	± %
UPCOM-Index	42.95 ↓	-0.83	-1.90%
KLGD (triệu ck)	1.52 ↑	0.37	32.48%
GTGD (tỷ đồng)	19.35 ↑	7.22	59.51%

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất tuần

Mã	Mở cửa	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
MAX	27,900	31,000	11.11	4,700
STS	24,200	10,000	-58.68	2,660
NOS	10,000	10,000	0.00	2,130
TGP	5,700	5,800	1.75	2,002
ACC	28,800	29,900	3.82	1,527

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất tuần

Mã	Mở cửa	Đóng cửa	Tăng	± %
GTH	9,500	11,300	1,800	18.95
IMT	8,500	9,600	1,100	12.94
BMJ	18,400	20,700	2,300	12.50
MAX	27,900	31,000	3,100	11.11
TTG	5,000	5,500	500	10.00

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất tuần

Mã	Mở cửa	Đóng cửa	Giảm	± %
STS	24,200	10,000	-14,200	-58.68
NSP	9,000	6,400	-2,600	-28.89
TCO	12,700	10,000	-2,700	-21.26
SGS	90,100	73,000	-17,100	-18.98
WSB	19,100	15,500	-3,600	-18.85

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất tuần

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
HPT	195		0

THỐNG KÊ GIAO DỊCH THỊ TRƯỜNG NIÊM YẾT PHIÊN CUỐI TUẦN

HSX

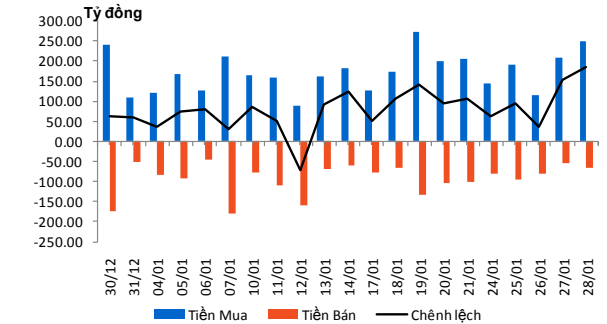
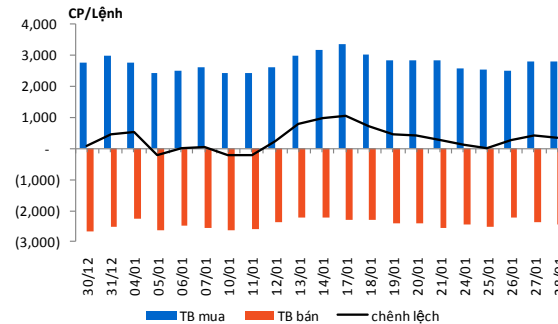
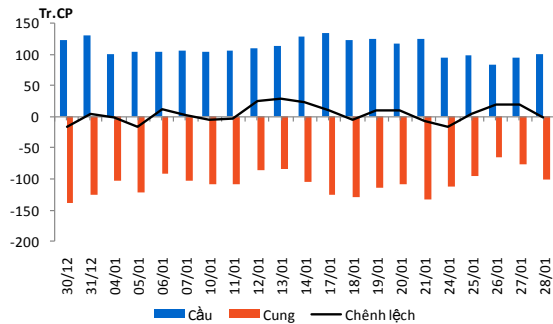
	Giá trị	Thay đổi	± %
VN-Index	510.60 ↑	7.92	1.58%
KLGD (triệu ck)	37.65 ↑	7.62	25.38%
GTGD (tỷ đồng)	959.45 ↑	144.15	17.68%
Tổng cung (triệu ck)	65.91 ↑	18.63	39.41%
Tổng cầu (triệu ck)	63.33 ↑	5.74	9.96%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	6.86 ↑	1.02	17.50%
KL bán (triệu ck)	1.78 ↑	0.66	59.20%
Giá trị mua (tỷ đồng)	239.53 ↑	37.53	18.58%
Giá trị bán (tỷ đồng)	63.80 ↑	12.30	23.87%

HNX

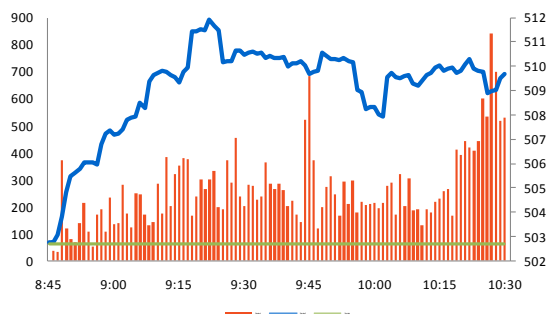
	Giá trị	Thay đổi	± %
HNX-Index	106.63 ↑	0.02	0.02%
KLGD (triệu ck)	21.98 ↑	2.87	15.01%
GTGD (tỷ đồng)	402.70 ↑	59.09	17.20%
Tổng cung (triệu ck)	35.67 ↑	7.47	26.49%
Tổng cầu (triệu ck)	36.81 ↓	-1.14	-3.00%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	0.51 ↑	0.23	84.16%
KL bán (triệu ck)	0.10 ↓	-0.01	-8.58%
Giá trị mua (tỷ đồng)	10.76 ↑	4.56	73.52%
Giá trị bán (tỷ đồng)	2.11 ↓	-0.33	-13.67%

UPCOM

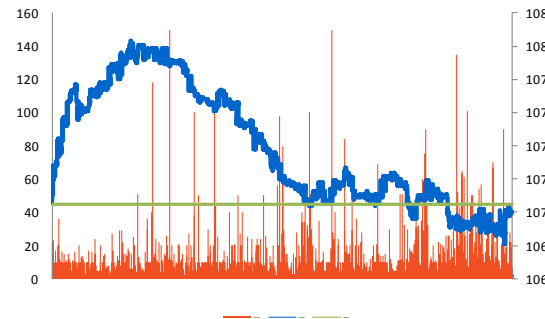
	Giá trị	Thay đổi	± %
UPCOM-Index	42.95 ↑	0.49	1.15%
KLGD (triệu ck)	0.13 ↓	-0.23	-64.22%
GTGD (tỷ đồng)	1.46 ↓	-4.65	-76.16%
Tổng cung (triệu ck)	0.43 ↓	-0.15	-26.22%
Tổng cầu (triệu ck)	0.35 ↓	-0.32	-47.76%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	0.00 ↑	0.00	0.00%
KL bán (triệu ck)	0.00 ↑	0.00	0.00%
Giá trị mua (tỷ đồng)	0.00 ↑	0.00	0.00%
Giá trị bán (tỷ đồng)	0.00 ↑	0.00	0.00%



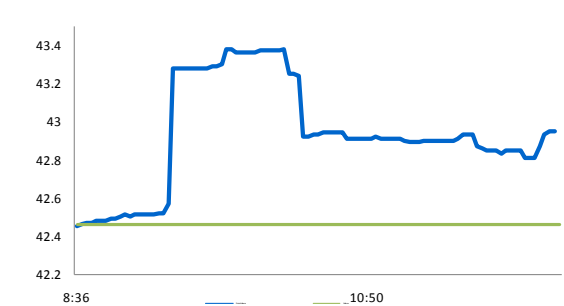
VN-Index



HNX-Index



UPCOM-Index



HSX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
CTG	23,400	24,300	3.85	54,123
VCB	34,600	36,100	4.34	39,308
HAG	55,000	56,000	1.82	39,200
CTI	44,200	44,500	0.68	38,559
SSI	29,800	29,800	0.00	37,766

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
VCF	50,000	53,500	3,500	7.00
DSN	22,000	23,100	1,100	5.00
IFS	10,000	10,500	500	5.00
VIC	90,000	94,500	4,500	5.00
CSM	28,500	29,900	1,400	4.91

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
IMP	52,500	49,900	-2,600	-4.95
DVD	26,900	25,600	-1,300	-4.83
KSB	65,000	62,000	-3,000	-4.62
PAC	55,500	53,000	-2,500	-4.50
ASP	8,900	8,500	-400	-4.49

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
HAG	28,344	FPT	17,193
VCB	21,908	HAG	5,957
PVD	21,094	KDC	4,618
FPT	17,515	DIG	4,206
TRA	17,153	DPM	3,143

HNX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
VND	19,900	19,600	-1.51	37,290
PVX	20,700	20,800	0.48	27,516
KLS	15,000	15,200	1.33	24,753
VCG	23,000	23,200	0.87	19,607
BVS	23,000	23,600	2.61	19,438

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
DZM	34,300	36,700	2,400	7.00
HLY	28,600	30,600	2,000	6.99
SJ1	23,000	24,600	1,600	6.96
CVN	25,900	27,700	1,800	6.95
LUT	32,500	34,700	2,200	6.77

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
CID	14,300	13,300	-1,000	-6.99
SD1	18,800	17,500	-1,300	-6.91
VHH	10,200	9,500	-700	-6.86
HAD	42,500	39,600	-2,900	-6.82
VHL	50,000	46,600	-3,400	-6.80

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
VCG	3,264	VND	597
PVX	1,772	PVS	382
PVS	1,679	TDN	329
PVI	1,345	OCH	261
KLS	549	SCJ	153

UPCOM

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
MAX	29,000	31,000	6.90	223
ADP	22,200	22,500	1.35	200
BTW	6,200	6,000	-3.23	172
BMJ	23,000	20,700	-10.00	135
UDJ	10,400	10,700	2.88	117

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
SSF	8,100	9,500	1,400	17.28
DDN	22,000	24,200	2,200	10.00
DGT	7,300	8,000	700	9.59
SCO	9,500	10,400	900	9.47
IMT	8,800	9,600	800	9.09

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
PTD	17,600	11,100	-6,500	-36.93
NOS	15,700	10,000	-5,700	-36.31
BMJ	23,000	20,700	-2,300	-10.00
SGS	81,100	73,000	-8,100	-9.99
ITD	14,200	12,800	-1,400	-9.86

LỊCH SỰ KIỆN TRONG TUẦN

Lịch đấu giá các công ty

Công ty	VĐL (tỷ đồng)	Tổng số CP chào bán	Giá khởi điểm (đ/cp)	Ngày đấu giá	Thời gian nhận đặt cọc
Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Xây dựng Trường Thịnh (lần 2)	34.70	924,709	16,000	24/01/2011	
CTCP Thiết bị phụ tùng Đà Nẵng	41.00	1,931,760	26,000	30/12/2010	Từ 12/09/2010 đến 12/23/2010
Công ty Vật liệu Xây dựng và Lâm sản	63.00	2,030,200	10,500	27/12/2010	
CTCP Đầu tư Xây dựng 3-2	112.00	5,277,300	10,500	24/12/2010	Từ 06/12/2010
Ngân hàng TMCP Phát triển nhà TP.Hồ Chí Minh	0.00	3,000,000	110	22/12/2010	Từ 06/12/2010

Danh sách các công ty đã nộp hồ sơ xin niêm yết

Công ty	Địa chỉ đăng ký niêm yết	VĐL (tỷ đồng)	Ngày nộp hồ sơ
Công ty cổ phần VIPACO	HNX	30	28/01/2011
Công ty Cổ phần Bê tông Becamex	HSX	100	26/01/2011
CTCP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Bắc Giang	HSX	168	24/01/2011
ông ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải	HSX	100.795	24/01/2011
CTCP Du lịch Tân Định Fiditourist	HNX	30.545	21/01/2011
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật	HSX	242	14/01/2011
CTCP Dược Trung ương Mediplantex	HNX	50.241	05/01/2011
Công ty Cổ phần Thủy sản Bình An	HSX	500	05/01/2011
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	HSX	82.32	05/01/2011
CTCP Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang	HSX	80	04/01/2011
CTCP Chế tạo máy - Vinacomin	HNX	40.85	31/12/2010
CTCP Công Nghệ Sài Gòn Viễn Đông	HSX	87	30/12/2010
TCP Supe Phốt Phát và Hóa chất Lâm Thao	HSX	432.4	30/12/2010
CTCP Mía đường Sơn La	HNX	50	29/12/2010

Danh sách các công ty đã được chấp thuận niêm yết

Công ty	Địa chỉ đăng ký niêm yết	VĐL (tỷ đồng)	Ngày được chấp thuận
CTCP Xây dựng HUD101	UPCOM	10.6	27/01/2011
CTCP Tập đoàn Quốc tế Biên Hòa	UPCOM		27/01/2011
TCP Lưới thép Bình Tây	UPCOM	19.654	26/01/2011
CTCP Đầu tư & Thương mại Dầu khí Nghệ An	HNX	108	25/01/2011
CTCP Thép Biên Hòa	UPCOM	151.873	25/01/2011
CTCP Xây lắp III Petrolimex	HNX	50	25/01/2011
Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long	HSX	250	21/01/2011
CTCP Chứng khoán An Phát	HNX	289	20/01/2011
CTCP Bía Hà Nội – Hải Phòng	HNX	91.79	20/01/2011
CTCP Du lịch Đắk Lắk	UPCOM	93.07	19/01/2011
Tổng CTCP Bảo hiểm Bưu điện	HNX	450	17/01/2011
CTCP Viễn thông điện tử Vinacap	HNX	134.97	17/01/2011
CTCP Xây lắp cơ khí và Lương thực Thực phẩm	HNX	35	14/01/2011

Lịch niêm yết lần đầu

Công ty	Mã CK	Địa chỉ niêm yết	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Giá chào sàn (Đồng)	Ngày giao dịch
CTCP Môi trường Đô thị Hà Đông	MTH	UPCOM	14.78		10/02/2011
Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa	VCF	HSX	265.79		28/01/2011
CTCP Ác Quy Tia Sáng	TSB	HNX	33.73		19/01/2011
CTCP Nhựa Sam Phú	NSP	UPCOM	50.00		19/01/2011
CTCP Thiết kế - Xây dựng – Thương mại Phúc Thịnh	PTD	UPCOM			14/01/2011
Công ty Cổ phần Thép Nam Kim	NKG	HSX			14/01/2011
Công ty Cổ phần miền Đông	MDk	HSX	99.00		12/01/2011
CTCP Than Vàng Danh - TKV		HNX	152.81		11/01/2011
CTCP Vận tải Biển Bắc	NOS	UPCOM	144.56		11/01/2011
CTCP Đầu tư Xây dựng Bạch Đằng TMC	BHT	HNX	25.65		11/01/2011
Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn	CLW	HSX			11/01/2011
Công ty cổ phần Kỹ thuật và Ô tô Trường Long		HSX	80.00		10/01/2011
Xây dựng Đường bộ 26	D26	UPCOM	10.00		10/01/2011
CTCP Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam		HNX	150.00		07/01/2011

Nguồn: HSX, HSX

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Ban Phân tích - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Ban Phân tích

E -mail: research@psi.vn

Tel: (84-4) 3934 3888



CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Trụ sở chính:

18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 1, 18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội – ĐT: (84-4)39343888; Fax: (84-4)39343999

Chi nhánh Nam Định

Tầng 1, lô 13+21 Đường Đông A, Khu đô thị mới Hoà Vượng, Nam Định – ĐT: (84-350) 3677989; Fax: (84-350) 3677979

Chi nhánh Thanh Hoá

Tầng 1, số 38A đại lộ Lê Lợi, Thanh Hoá

Chi nhánh Nghệ An

Số 19, Quang Trung, Tp. Vinh, Nghệ An

Chi nhánh Hải Phòng

Số 5, Hồ Xuân Hương, quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Chi nhánh TP.HCM:

Số 24 – 26 Hồ Tùng Mậu, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT: (84-8) 39111818; Fax: (84-8) 39111919

Chi nhánh Vũng Tàu:

Phòng 112, Tòa nhà Petro Tower, số 08 Hoàng Diệu, TP.Vũng Tàu – ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521

Chi nhánh Đà Nẵng:

Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng – ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339